BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**596.808.890.559**	**528.882.636.640**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	44.622.484	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**596.764.268.075**	**528.882.636.640**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	542.169.413.489	481.099.202.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**54.594.854.586**	**47.783.433.692**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	120.899.173	144.384.897
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	886.706.143	808.112.744
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*871.257.937*	*745.365.862*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	34.348.036.781	30.293.665.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	9.388.373.292	7.393.829.480
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**10.092.637.543**	**9.432.210.644**
11. Thu nhập khác	31	VI.6	527.141.673	844.000.692
12. Chi phí khác	32	VI.7	84.923.263	74.580.421
13. Lợi nhuận khác	**40**		**442.218.410**	**769.420.271**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**10.534.855.953**	**10.201.630.915**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.117.679.139	2.154.892.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**8.417.176.814**	**8.046.738.194**

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Lê Thị Kim Dung	Ngô Thu Dung	Hà Quốc Cường